

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30/8/2022

V/v “*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Hưởng;

2. Bà Vũ Thị Hòa;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Khánh Nguyệt – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 109/2022/TLST - HNGĐ ngày 17/6/2022 về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Kim T - sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Hoàng Văn L - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nông Kim T trình bày: Chị Thành và anh Hoàng Văn L kết hôn với nhau ngày 24/3/2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố L trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau, từ đó xảy ra cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị Thành xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung: cháu Hoàng Thị Kim N sinh ngày 12/01/2013 và cháu Hoàng Thị Thu Ng sinh ngày 27/7/2015. Hiện nay các cháu đang ở với bố, do điều kiện hoàn cảnh không có nhà ở nên chị T có nguyện vọng để anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu đến tuổi trưởng thành, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, tổng cộng hai cháu 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, đơn xin vắng mặt tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Văn L có ý kiến như sau: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T tự ý đi làm ăn, không quan tâm đến gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị Nông Kim T có đơn đề nghị giải quyết xin ly hôn, anh L không nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung, về tên tuổi như chị T trình bày là đúng. Hiện nay các con chung phát triển khỏe mạnh và đang ở với anh L, anh L không có ý kiến gì về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Lầm không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Kim T vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Hoàng Văn L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Kim T và anh Hoàng Văn L kết hôn với nhau ngày 24/3/2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố L trên cơ sở tự nguyện. Do vậy hôn nhân giữa anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng, không có tiếng nói chung, chị T thường xuyên đi làm ăn, không có thời gian quan tâm đến gia đình nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị T đã cung cấp xác nhận của chính quyền địa phương về mâu thuẫn vợ chồng là đúng sự thật. Như vậy cuộc sống vợ chồng giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Kim T là phù hợp.

[3]Về con chung: Xét thấy quá trình chung sống anh chị có hai con chung là cháu Hoàng Thị Kim Ng sinh ngày 12/01/2013 và cháu Hoàng Thị Thu Ng sinh ngày 27/7/2015, các cháu đều phát triển khỏe mạnh bình thường. Hiện nay chị Th và anh L đều làm trồng trọt, chăn nuôi, mức thu nhập khoảng 4 triệu đồng/tháng. Xét thấy chị T, anh L đều có khả năng, điều kiện để nuôi con chung. Trong thời gian anh chị xảy ra mâu thuẫn anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung về mọi mặt, chị T không có nhà ở, có nguyện vọng để anh L trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, cháu N và cháu N có nguyện vọng được ở với bố. Do vậy cần giao hai cháu Hoàng Thị Kim N và Hoàng Thị Thu N cho anh Hoàng Văn L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Nông Kim T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1 triệu đồng/tháng, tổng cộng 2 triệu đồng/hai cháu/tháng.

[4]Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Về án phí: Chị Nông Kim T phải chịu tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nông Kim T và anh Hoàng Văn L, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao hai cháu Hoàng Thị Kim N sinh ngày 12/01/2013 và cháu Hoàng Thị Thu N sinh ngày 27/7/2015 cho anh Hoàng Văn L trực tiếp trông nom nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Nông Kim T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Thị Kim N và cháu Hoàng Thị Thu Nt, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 2.000.000 đồng/tháng/hai cháu. Chị Nông Kim T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Nông Kim T phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi chung, tổng cộng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Nguyên đơn chị T đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001567 ngày 16/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, chị T còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND TP Lào Cai (2);
- Các đương sự (2);
- Chi cục THADS TP Lào Cai;
- UBND xã H;
- Lưu HS; Lưu TA;

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hòa

Bùi Xuân Hưởng

Hà Thị Anh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND xã Nghĩa Đô
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Anh

